

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2019/KDTM-ST
Ngày: 01/10/2019
V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương
2. Bà Nguyễn Thị Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân
quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 34/2018/TLST – KDTM ngày 30/5/2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 398/2019/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 263/2019/QĐST-DS ngày 11/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1982

2. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1959

Địa chỉ: Khu phố A, phường B, thị xã C, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Bá Mạnh G, sinh năm 1983, địa chỉ: Số 166 D, phường E, thành phố F, tỉnh Bình Dương, là người

đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn N (Theo Giấy ủy quyền ngày 01/7/2019 và Giấy ủy quyền ngày 10/7/2019) (có mặt).

Bị đơn: Công ty K.

Trụ sở: 161 Quốc lộ H, Khu phố I, phường L, quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Vũ Sỹ P, sinh năm 1992, địa chỉ: 70/12 X, phường Y, quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Theo Giấy ủy quyền ngày 23/8/2016) (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Công ty S

Địa chỉ: 123B V. Phường B, thị xã C, tỉnh Bình Thuận

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Bá Mạnh G, sinh năm 1983, địa chỉ Số 166 D, phường E, thành phố F, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo Giấy ủy quyền ngày 10/7/2019) (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn N cùng các lời khai tiếp theo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thì nội dung vụ án như sau:

Năm 2016 do ông N và ông T có nhu cầu mua xe tải để kinh doanh dịch vụ vận tải hàng đông lạnh, các ông đồng ý để Công ty S (sau đây viết tắt là Công ty S) đứng tên giao dịch. Ngày 17/3/2016 Công ty S và Công ty K (sau đây viết tắt là Công ty K) ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 07/03/16-HĐMB-VGT với nội dung: Công ty K bán cho Công ty S xe tải HINO FL8TSL thùng đông lạnh với giá 1.830.000.000đồng (máy lạnh do bên mua cung cấp), thời hạn giao xe dự kiến là 60 ngày với lịch trình thanh toán như sau: Lần 1: đặt cọc 183.000.000đồng; Lần 2: 732.000.000đồng (thanh toán sau lần một 5 ngày làm

việc); Lần 3: 732.000.000đồng (thanh toán trong vòng 05 ngày sau khi Công ty K thông báo về việc tiến hành nghiệm thu thùng xe); Lần 4: 183.000.000đồng (thanh toán trong vòng 03 ngày sau khi Công ty K thông báo đã hoàn tất hồ sơ xe và chuẩn bị đăng ký xe)

Thực tế thì việc giao dịch với Công ty K do ông T trực tiếp thực hiện.

Thực hiện hợp đồng thì Công ty S đã thanh toán cho Công ty K số tiền như sau: Ngày 17/3/2016 thanh toán 1.000.000đồng có phiếu thu số PT000020 cùng ngày; Ngày 18/3/2016 thanh toán 183.000.000đồng qua tài khoản Vietcombank; Ngày 25/3/2016 thanh toán 732.000.000đồng (có giấy ủy nhiệm chi cùng ngày 25/3/2016).

Đến thời hạn giao xe, ông T và ông N yêu cầu Công ty K giao xe, nhưng Công ty K thông báo là do có quy định mới của Nhà nước nên không được phép cải tạo thùng xe và thay thế máy lạnh của xe mới. Công ty K đề xuất sẽ chuyển sang mua xe thùng Composite loại không có máy lạnh về sử dụng tạm thời sau đó Công ty K sẽ cải tạo để gắn máy lạnh theo yêu cầu.

Ngày 02/6/2016 Công ty S và Công ty K đã ký biên bản thanh lý hợp đồng với nội dung thanh lý Hợp đồng mua bán hàng hóa số 07/03/16-HĐMB-VGT chuyển sang Hợp đồng số 15/06/16 – HĐMB/VGT . Chuyển số tiền thanh toán theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 07/03/16-HĐMB-VGT sang Hợp đồng số 15/06/16 –HĐMB/VGT ngày 02/6/2016 của ông Nguyễn Văn T, số tiền đã thanh toán là 915.000.000đồng.

Cùng ngày 02/6/2016 ông T và Công ty K có ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 15/06/16-HĐMB-VGT với nội dung là Công ty K bán cho ông T xe tải HINO FL8JTSL thùng kín (không có máy lạnh) với giá xe là 1.830.000.000đồng.

Sau khi ký hợp đồng, thì Công ty K yêu cầu ông T và ông N thanh toán thêm 732.000.000đồng.

Ngày 03/6/2016, vợ ông T là bà Võ Thị Bích U đã chuyển vào tài khoản của Công ty K số tiền 732.000.000đồng tuy nhiên ghi nhầm chuyển thanh toán cho Hợp đồng số 07/03/16-HĐMB-VGT.

Đến thời hạn giao xe của Hợp đồng số 15/06/16 –HĐMB/VGT ngày 02/6/2016, Công ty K thông báo, cơ quan đăng kiểm không nghiệm thu xe. Ngày 12/12/2016 Công ty K đề nghị chuyển đổi đối tượng hợp đồng từ chiếc xe HINO FL8JTSL thùng kín (không có máy lạnh) đời 2015 sang loại xe HINO FL8JTSL thùng kín (không có máy lạnh) đời 2016.

Ông T và Công ty K ký thỏa thuận số 39/12/2016 –BBTT/VGT với nội dung hai bên thống nhất chuyển đổi đối tượng hợp đồng từ chiếc xe HINO FL8JTSL thùng kín (không có máy lạnh) đời 2015 sang loại xe HINO FL8JTSL thùng kín (không có máy lạnh) đời 2016 với giá 1.950.000.000đồng, cao hơn 75.000.000đồng so với chiếc xe HINO FL8JTSL thùng kín (không có máy lạnh) đời 2015) đồng thời ông T ủy quyền cho ông N đứng ra giao dịch với Công ty K.

Ngày 14/12/2016 Công ty K và ông N đã ký Hợp đồng số 39/12/16-HĐMB/VGT với nội dung chuyển đổi đối tượng hợp đồng từ chiếc xe HINO FL8JTSL thùng kín (không có máy lạnh) đời 2015 sang loại xe HINO FL8JTSL thùng kín (không có máy lạnh) đời 2016 với giá 1.950.000.000đồng.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty K yêu cầu phải thanh toán thêm 20.000.000đồng để chuyển đổi xe, ngày 12/12/2016 ông N đã thanh toán cho Công ty K số tiền 20.000.000đồng, có phiếu thu cùng ngày. Tuy nhiên do ông N không để ý đến nội dung ghi trong phiếu thu, sau này mới biết là đặt cọc chuyển đổi xe HINO FL8JTSL đời 2015 sang đời 2016.

Tổng cộng số tiền mà ông T và ông N đã thanh toán cho Công ty K là 1.668.000.000đồng.

Do Công ty K đã chậm giao xe ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn nên nguyên đơn yêu cầu hủy Hợp đồng Hợp đồng số 39/12/16-HĐMB/VGT ngày

14/12/2016 giữa ông Nguyễn Văn T do ông Nguyễn Văn N là người đại diện theo uỷ quyền và Công ty K, đồng thời yêu cầu Công ty K hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 1.668.000.000đồng. Nguyên đơn rút lại yêu cầu bồi thường hợp đồng là 1.668.000.000đồng, chỉ yêu cầu Công ty K thanh toán số tiền 1.668.000.000đồng.

Giữa ông T, ông N và Công ty S đã giải quyết xong các vấn đề liên quan đến Hợp đồng mua bán hàng hóa số 07/03/16-HĐMB-VGT. Công ty S không còn liên quan đến các Hợp đồng sau này.

Bị đơn Công ty K do ông Vũ Sỹ P đại diện trình bày:

Công ty K xác định có ký các Hợp đồng như đại diện nguyên đơn trình bày. Ngay sau khi ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa số 07/03/16-HĐMB-VGT, theo nội dung hợp đồng máy lạnh do bên mua cung cấp nhưng ông T và ông N cung cấp máy lạnh cũ nên không phù hợp với tiêu chuẩn đăng kiểm nên Cục đăng kiểm đã từ chối việc cấp phiếu nghiệm thu phòng đông lạnh gắn kèm theo xe. (Cục Đăng kiểm chỉ trả hồ sơ chứ không có tài liệu gì về việc từ chối).

Ngày 26/4/2016 Công ty K phát hành Thông báo số 01/2016-TB-VGT cho bên mua với nội dung yêu cầu cung cấp máy lạnh mới do máy lạnh cũ không đạt tiêu chuẩn đăng kiểm). Ngoài việc thông báo thì đại diện Công ty K có liên hệ qua điện thoại yêu cầu cung cấp máy lạnh mới để đăng kiểm và yêu cầu thanh toán đợt 3 theo hợp đồng vì quá hạn nhưng bên mua vẫn không thực hiện. Ngày 18/5/2016 Công ty K phát hành Thông báo số 02/2016 -TB-VGT gửi cho Công ty S với nội dung trên. Tuy nhiên, phía ông T và ông N đã không thực hiện theo thông báo và cũng không có bất kỳ lý do hay văn bản hồi đáp.

Ngày 31/5/2016 Công ty K tiếp tục phát hành Thông báo số 03/2016 -TB-VGT nhắc lại Thông báo số 02/2016 -TB-VGT. Việc thông báo không có kết quả thì ngày 02/6/2016 Công ty phát hành Thông báo gửi thông báo trực tiếp cho ông Nguyễn Văn T với nội dung nếu bên mua không thanh toán số tiền lần 3 và cung cấp máy lạnh để hoàn tất xe như hợp đồng đã giao kết thì Công ty K sẽ

thanh lý hợp đồng trong 05 ngày. Vì vậy, ông Nguyễn Văn T liên hệ Công ty K yêu cầu thanh lý hợp đồng với Công ty S đồng thời chuyển sang ký hợp đồng với tư cách cá nhân ông T, xin bảo lưu các điều khoản và số tiền đã thanh toán cho Hợp đồng mua bán hàng hóa số 07/03/16-HĐMB-VGT chuyển sang Hợp đồng mua bán hàng hóa số 15/06/16 – HĐMB/VGT ngày 02/6/2016. Toàn bộ nội dung Hợp đồng mua bán hàng hóa số 15/06/16 – HĐMB/VGT ngày 02/6/2016 giữ nguyên nội dung Hợp đồng mua bán hàng hóa số 07/03/16-HĐMB-VGT chỉ thay tên người mua.

Thực hiện hợp đồng ngày 03/6/2016 ông T đã thanh toán số tiền lần 3 của hợp đồng là 732.000.000đồng tuy nhiên ông T vẫn không cung cấp máy lạnh mới để Công ty K hoàn tất thủ tục đăng kiểm xe và thùng lạnh mặc dù Công ty đã hoàn tất thùng, xe để ở bãi xe chỉ chờ bên mua cung cấp máy lạnh.

Tháng 12/2016 ông T uỷ quyền cho ông N thực hiện ký kết Hợp đồng mua bán hàng hoá số 39/12/16-HĐMB/VGT với nội dung chuyển đổi đối tượng hợp đồng từ chiếc xe HINO FL8JTSL thùng kín đời 2015 sang loại xe HINO FL8JTSL thùng kín đời 2016 với giá 1.950.000.000đồng (cao hơn 75.000.000đồng so với chiếc xe HINO FL8JTSL thùng kín đời 2015).

Thoả thuận của các bên thì bên mua có nghĩa vụ cung cấp máy lạnh và có nghĩa vụ thanh toán số tiền lần 4 là 53.000.000đồng ngay sau khi hợp đồng được ký kết. Mặc dù ông T chỉ uỷ quyền cho ông N để ký kết văn bản huỷ bỏ hợp đồng mua bán xe ô tô số 15/06/16 HĐMB- VGT tuy nhiên Công ty K vẫn đồng ý tạo điều kiện để ông N thay ông T ký hợp đồng mới.

Thực hiện hợp đồng bên mua chỉ thanh toán số tiền 20.000.000đồng không đúng thời hạn và số tiền không đủ như giao kết. Việc làm này của bên mua vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thanh toán (thiếu 33.000.000đồng) và vi phạm nghĩa vụ cung cấp máy lạnh để hai bên hoàn tất hợp đồng được quy định tại Điều 5 của Hợp đồng mua bán hàng hoá số 39/12/16-HĐMB/VGT.

Ngày 28/6/2017 Công ty K phát hành Thông báo số 01/2017-TBNVT-VGT gửi đến ông N yêu cầu bên mua phải cung cấp máy lạnh hoặc chuyển tiền để Công ty K mua máy lạnh mới để hoàn tất hợp đồng trong thời hạn 03 ngày nhưng ông N, ông T không hồi đáp. Như vậy, bên mua đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và cung cấp thiết bị để hoàn tất hợp đồng là vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ quy định trong hợp đồng. Do đó, việc ông T và ông N khởi kiện yêu cầu trả số tiền 1.668.000.000đồng là hoàn toàn không có căn cứ chấp nhận.

Công ty S do bà Nguyễn Thị I là người đại diện theo pháp luật trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn N có nhu cầu mua xe để kinh doanh dịch vụ vận tải hàng đông lạnh, hai ông nhờ Công ty S đứng tên giao dịch. Ngày 17/3/2016 Công ty S ký Hợp đồng mua bán hàng hóa số 07/03/16-HĐMB-VGT với Công ty K để mua chiếc xe tải như nguyên đơn và bị đơn trình bày, Công ty S đã thanh toán cho Công ty K số tiền là 915.000.000đồng. Sau đó thì Công ty S và Công ty K đã thanh lý Hợp đồng mua bán hàng hóa số 07/03/16-HĐMB-VGT và chuyển toàn bộ quyền và nghĩa vụ của hợp đồng này sang Hợp đồng mua bán hàng hóa số 15/06/16 –HĐMB/VGT ngày 02/6/2016 giữa ông Nguyễn Văn T và Công ty K. Công ty S không còn quyền lợi và nghĩa vụ gì đến Hợp đồng mua bán hàng hóa số 07/03/16-HĐMB-VGT và Công ty không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Bá Mạnh G trình bày: Ông giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu hủy Hợp đồng mua bán hàng hóa số 39/12/16-HĐMB/VGT ngày 14/12/2016 đã ký với Công ty K và yêu cầu Công ty K hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 1.668.000.000đồng. Nguyên đơn rút lại yêu cầu Công ty K bồi thường hợp đồng là 1.668.000.000đồng. Về việc bị đơn cho rằng nguyên đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nguyên đơn có ý

kiến, tuy Hợp đồng mua bán hàng hoá số 39/12/16-HĐMB/VGT ghi số tiền thanh toán lần 4 là 53.000.000đồng nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên thống nhất chỉ thanh toán số tiền 20.000.000đồng nên ông T chỉ thanh toán 20.000.000đồng để Công ty K làm thủ tục chuyển đổi từ Hợp đồng mua bán hàng hoá số 15/06/16 –HĐMB/VGT ngày 02/6/2016 sang Hợp đồng mua bán hàng hoá số 39/12/16-HĐMB/VGT ngày 14/12/2016.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Vũ Sỹ P có yêu cầu vắng mặt khi toà án giải quyết, xét xử vụ án.

Người đại diện theo uỷ quyền của Công ty S là ông Nguyễn Bá Mạnh G xác định Công ty không còn quyền và nghĩa vụ gì đối với các hợp đồng mua bán mà nguyên đơn khởi kiện, Công ty cũng không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và thư ký đã thực hiện đúng quy định của bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T, huỷ Hợp đồng mua bán hàng hoá số 39/12/16-HĐMB/VGT ngày 14/12/2016 và buộc Công ty K phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 1.668.000.000đồng.

Án phí dân sự sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn N khởi kiện yêu cầu Công ty K có trụ sở tại quận M, Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu hủy các Hợp đồng mua bán hàng hoá đã ký với Công ty K nên đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đơn khởi kiện của ông T, ông N phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn ông Vũ Sỹ P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ theo quy định tại Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Nguyên đơn có đơn yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu Công ty K bồi thường số tiền 1.668.000.000đồng. Việc rút lại yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ngày 17/3/2016 Công ty S đã ký hợp đồng mua bán hàng hoá số 07/03/16-HĐMB-VGT với nội dung: Công ty K bán cho Công ty S xe tải HINO FL8TSL thùng đông lạnh với giá 1.830.000.000đồng (máy lạnh do bên mua cung cấp). Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng do có quy định mới của Nhà nước nên không được phép cải tạo thùng xe và thay thế máy lạnh của xe mới nên hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng. Ngày 02/6/2016 Công ty S và Công ty K đã ký biên bản với nội dung thanh lý Hợp đồng mua bán hàng hóa số 07/03/16-HĐMB-VGT chuyển toàn bộ quyền và nghĩa vụ sang Hợp đồng số 15/06/16 – HĐMB/VGT. Và chuyển tên người mua từ Công ty S sang ông Nguyễn Văn T. Ngày 02/6/2016 hai bên đã ký hợp đồng mua bán hàng hóa số 15/06/16-HĐMB-VGT với nội dung là Công ty K bán cho ông T xe tải HINO

FL8JTSL thùng kín với giá xe là 1.830.000.000đồng. Ngày 14/12/2016 ông T và Công ty K ký thỏa thuận số 39/12/2016 –BBTT/VGT với nội dung hai bên thống nhất chuyển đổi đối tượng hợp đồng từ chiếc xe HINO FL8JTSL thùng kín (không có máy lạnh) đời 2015 sang loại xe HINO FL8JTSL thùng kín đời 2016 với giá 1.950.000.000đồng. Ngày 14/12/2016 Công ty K và ông N (đại diện theo uỷ quyền của ông T) đã ký Hợp đồng số 39/12/16-HĐMB/VGT ngày 14/12/2016 với nội dung chuyển đổi đối tượng hợp đồng từ chiếc xe HINO FL8JTSL thùng kín đời 2015 sang loại xe HINO FL8JTSL thùng kín đời 2016 với giá 1.950.000.000đồng.

Việc bị đơn cho rằng phía ông T vi phạm nghĩa vụ giao máy lạnh. Hội đồng xét xử xét, căn cứ Văn bản số 2010/ĐKVN-VAQ ngày 29/5/2019 của Cục Đăng kiểm Việt Nam thì đối với ô tô tải thùng kín không có yêu cầu phải trang bị máy lạnh.

Căn cứ theo nội dung hợp đồng thì thời hạn giao xe là 30 ngày kể từ ngày nhận được tiền cọc và nhận được giấy uỷ quyền công chứng thay tên chủ sở hữu trên hợp đồng. Ông T đã thanh toán cho Công ty K tổng số tiền là 1.668.000.000đồng nhưng Công ty K không thực hiện các thủ tục để đăng kiểm và tiến hành các thủ tục để công chứng thay tên chủ sở hữu mà phát hành các thông báo yêu cầu ông T cung cấp máy lạnh để đảm bảo điều kiện đăng kiểm và lấy lý do đó để không thực hiện việc đăng kiểm và tiến hành các thủ tục để giao xe cho ông T là không đúng.

Về nghĩa vụ thanh toán: Căn cứ theo Biên bản thanh lý hợp đồng số 03/06/16-TLHĐ-VGT ngày 02/6/2016 thì Công ty K và Công ty S và trình bày của các bên thì số tiền Công ty S đã thanh toán cho Công ty K số tiền 915.000.000đồng và số tiền này đã được chuyển sang hợp số 15/06/16-HĐMB-VGT của ông Nguyễn Văn T.

Theo trình bày của cả nguyên đơn và bị đơn thì ngày 17/3/2016 Công ty S thanh toán đợt 1 là 1.000.000đồng; ngày 18/3/2016 thanh toán

183.000.000đồng, ngày 25/3/2016 thanh toán 732.000.000đồng. Như vậy, tổng số tiền Công ty S đã thanh toán cho Công ty K là 916.000.000 đồng. Tuy nhiên, các bên đương sự đều thống nhất số tiền Công ty S đã thanh toán là 915.000.000đồng.

Tại Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 12/12/2016 giữa Công ty K và ông Nguyễn Văn T thì hai bên thoả thuận thanh lý Hợp đồng số 15/06/16 –HĐMB-VGT sang Hợp đồng số 39/12/16 –HĐMB/VGT ngày 08/12/2016 chuyển tiền đã thanh toán của hợp đồng số 15/06/16 –HĐMB-VGT sang Hợp đồng số 39/12/16 –HĐMB/VGT.

Căn cứ theo Giấy nộp tiền ngày 03/6/2016 thì phía nguyên đơn đã thanh toán số tiền 732.000.000đồng cho Công ty K.

Ngày 12/12/2016 phía ông T và ông N thanh toán thêm số tiền 20.000.000đồng.

Như vậy, tổng số tiền Công ty K đã nhận là 1.668.000.000đồng.

Việc bị đơn cho rằng phía ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán 33.000.000đồng theo Hợp đồng số 39/12/16-HĐMB/VGT ngày 14/12/2016, ngày 28/6/2017, Hội đồng xét xử xét, theo trình bày của nguyên đơn thì tuy Hợp đồng mua bán hàng hoá số 39/12/16-HĐMB/VGT ghi số tiền thanh toán lần 4 là 53.000.000đồng nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng hai bên thống nhất chỉ thanh toán số tiền 20.000.000đồng nên ông T chỉ thanh toán 20.000.000đồng để Công ty K làm thủ tục chuyển đổi từ Hợp đồng mua bán hàng hoá số 15/06/16 –HĐMB/VGT ngày 02/6/2016 sang Hợp đồng mua bán hàng hoá số 39/12/16-HĐMB/VGT ngày 14/12/2016. Thực tế số tiền 20.000.000đồng đã được phía nguyên đơn thanh toán ngày 12/12/2016, bị đơn cũng thừa nhận nguyên đơn đã thanh toán số tiền 20.000.000đồng là số tiền thanh toán đợt 4 của Hợp đồng mua bán hàng hoá số 39/12/16-HĐMB/VGT ngày 14/12/2016. Hơn nữa tại Thông báo số 01/2017/TBNVT-VGT của Công ty K gửi ông Nguyễn Văn N về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn N chuyển số tiền

1.355.000.000 đồng để Công ty mua máy lạnh mới lắp ráp vào xe để nghiệm thu, bị đơn cũng khẳng định chưa thực hiện việc làm thủ tục đăng kiểm xe để chuyển nhượng cho ông T. Trong thông báo trên không đề cập đến số tiền còn thiếu là 33.000.000đồng. Như vậy, trình bày của nguyên đơn, mặc dù tại Hợp đồng mua bán hàng hoá số 39/12/16-HĐMB/VGT ngày 14/12/2016 hai bên thống nhất là đợt 4 thanh toán 53.000.000đồng nhưng hai bên đã thoả thuận miệng với nhau chỉ thanh toán số tiền 20.000.000đồng, là có căn cứ.

Do Công ty K đã vi phạm nghĩa vụ cơ bản là giao hàng theo quy định tại Điều 34 và Điều 37 Luật Thương mại nên phía ông Nguyễn Văn T yêu cầu huỷ Hợp đồng mua bán hàng hoá số 39/12/16-HĐMB/VGT ngày 14/12/2016 giữa hai bên phù là hợp với Điều 424 Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

Theo Hợp đồng mua bán hàng hoá số 39/12/16-HĐMB/VGT ngày 14 tháng 12 năm 2016 thì người ký hợp đồng là ông Nguyễn Văn N. Tuy nhiên, ông N ký hợp đồng theo hợp đồng uỷ quyền của ông Nguyễn Văn T và ông N cũng thừa nhận số tiền đã chuyển cho Công ty K là của ông Nguyễn Văn T.

Hậu quả của việc huỷ hợp đồng: Căn cứ theo quy định tại Điều 427 Bộ luật Dân sự thì các bên phải hoàn trả cho nhau những gì đã nhận nên buộc Công ty K phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 1.668.000.000đồng. Ngoài ra, các bên không có yêu cầu gì khác.

Án phí dân sự sơ thẩm Công ty K phải chịu trên số tiền phải trả.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 34, Điều 37, Điều 312, Điều 314 Luật Thương mại năm 2005;
- Căn cứ Điều 424, 427 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Phí, lệ phí năm 2016;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc huỷ Hợp đồng mua bán hàng hoá số 39/12/16-HĐMB/VGT ngày 14 tháng 12 năm 2016 giữa ông Nguyễn Văn N (là người đại diện theo uỷ quyền của ông Nguyễn Văn T) và Công ty K.

Buộc Công ty K phải hoàn trả cho ông Nguyễn Văn T số tiền 1.668.000.000đồng.

Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn N về yêu cầu Công ty K bồi thường thiệt hại số tiền 1.668.000.000đồng.

Kể từ ngày ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu thi hành án mà Công ty K chưa thanh toán thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Thực hiện tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Công ty K phải nộp 62.040.000 (sáu mươi hai triệu không trăm bốn mươi ngàn) đồng. Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn N số tiền 50.990.000 (năm mươi triệu chín trăm chín mươi ngàn) đồng theo Biên lai thu số 0038900 ngày 30 tháng 5 năm 2018.

3. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được kháng cáo trong thời

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q. Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu:VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Thanh